

Số: 247/QĐ-UBND

Tân Lợi, ngày 31 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
Quý 4 năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LỢI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 640/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Tân Lợi về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ phận chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 4 năm 2023 xã Tân Lợi.

(Có các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2: Giao cho ban Tài chính xã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện.

Điều 3: Các ông (bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể;
- Các trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Dũng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	4.555.000.000	1.327.081.003	29%
1.	Các khoản thu 100%	60.000.000	12.151.000	20%
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	128.000.000	41.611.116	33%
3.	Thu chuyển nguồn			
4.	Thu chuyển nguồn		116.318.887	
5.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.367.000.000	1.157.000.000	26%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.367.000.000	1.091.000.000	25%
	- Bổ sung có mục tiêu		66.000.000	
II.	Tổng số chi	4.555.000.000	3.282.164.661	72%
1.	Chi đầu tư phát triển		1.623.340.000	
2.	Chi thường xuyên	4.408.000.000	1.658.824.661	38%
3.	Dự phòng	71.000.000		
4.	Tiết kiệm chi	76.000.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Quý 4 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	4.637.000.000	4.555.000.000	1.351.504.674	1.327.081.003	29	29
I. Các khoản thu 100%	60.000.000	60.000.000	12.724.353	12.151.000	21	20
- Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	6.151.000	6.151.000	12	12
+ Phí chứng thực	30.000.000	30.000.000	1.760.000	1.760.000	6	6
+ Lệ phí hộ tịch	5.000.000	5.000.000	1.591.000	1.591.000	32	32
+ Lệ phí cư trú						
+ Lệ phí môn bài	15.000.000	15.000.000	2.800.000	2.800.000	19	19
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	6.573.353	6.000.000	66	60
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	210.000.000	128.000.000	65.461.434	41.611.116	31	33
1. Các khoản thu phân chia	84.000.000	2.000.000	22.216.218	67.500	26	3
- Lệ phí trước bạ nhà đất	4.000.000	2.000.000	135.000	67.500	3	3
- Thuế thu nhập cá nhân	80.000.000		22.081.218		28	
+ Thuế TNCN từ SXKD	65.000.000		21.541.218		33	
+ Thuế TNCN từ chuyển quyền	15.000.000		540.000		4	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	126.000.000	126.000.000	43.245.216	41.543.616	34	33
- Thuế giá trị gia tăng	125.000.000	125.000.000	42.540.036	40.838.436	34	33
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000.000	1.000.000	705.180	705.180	71	71
- Thu thuế đất trồng cây lâu năm						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu nộp trả ngân sách cấp trên						
V. Thu chuyển nguồn						
VI. Thu kết dư ngân sách năm trước			116.318.887	116.318.887		
VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.367.000.000	4.367.000.000	1.157.000.000	1.157.000.000	26	26
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.367.000.000	4.367.000.000	1.091.000.000	1.091.000.000	25	25
- Bổ sung có mục tiêu			66.000.000	66.000.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ
Quý 4 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	4.555.000.000		4.555.000.000	3.282.164.661	1.623.340.000	1.658.824.661	72		36
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	550.754.000		550.754.000	133.624.776		133.624.776	24		24
- Chi dân quân tự vệ	335.530.000		335.530.000	66.183.976		66.183.976	20		20
- Chi trật tự an toàn xã hội	215.224.000		215.224.000	67.440.800		67.440.800	31		31
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	42.912.000		42.912.000	36.720.000	25.380.000	11.340.000	86		26
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	102.900.000	81.300.000	21.600.000	294		62
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	16.500.000		16.500.000	66		66
8. Chi bảo vệ môi trường				405.820.000	405.820.000				
9. Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	1.116.431.400	1.064.840.000	51.591.400	3190		147
- Giao thông (xi măng ĐBT)				262.040.000	262.040.000				
- Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	25.000.000		25.000.000	41.591.400		41.591.400	166		166
- Thủy lợi				812.800.000	802.800.000	10.000.000			
- Các hoạt động kinh tế khác	10.000.000		10.000.000						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.652.914.000		3.652.914.000	1.406.717.485		1.406.717.485	39		39
Trong đó: Quỹ lương				979.233.662		979.233.662			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.794.746.000		1.794.746.000	814.581.796		814.581.796	45		45
10.2. Hội đồng nhân dân	335.446.000		335.446.000	99.293.400		99.293.400	30		30
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	636.833.000		636.833.000	169.358.450		169.358.450	27		27
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	343.606.000		343.606.000	139.362.664		139.362.664	41		41
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	127.584.000		127.584.000	40.101.750		40.101.750	31		31
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	125.458.000		125.458.000	40.758.825		40.758.825	32		32
10.7. Hội Cựu chiến binh	110.120.000		110.120.000	34.627.300		34.627.300	31		31
10.8. Hội Nông dân	113.804.000		113.804.000	37.333.300		37.333.300	33		33
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	35.721.000		35.721.000	12.882.000		12.882.000	36		36
10.10. Hội Người cao tuổi	27.496.000		27.496.000	10.398.000		10.398.000	38		38
10.11. Hội khuyến học	2.000.000		2.000.000	8.020.000		8.020.000	401		401
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội	66.520.000		66.520.000	63.451.000	46.000.000	17.451.000	95		26
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	56.520.000		56.520.000	17.451.000		17.451.000	31		31
- Trợ cấp mai táng									
- Khác	10.000.000		10.000.000	46.000.000	46.000.000				
12. Dự phòng	71.000.000		71.000.000						
13. Tiết kiệm chi 10%	76.000.000		76.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Tân Lợi, ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Xã Tân Lợi quý 4 năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5596/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu - chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số: 640/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Tân Lợi về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ năm 2023;

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Tân Lợi quý 4 năm 2023, như sau:

1. Thu ngân sách xã quý 4 năm 2023:

- Thu ngân sách nhà nước đạt $78.185.787đ/270.000.000đ = 29%$ dự toán giao.

- Thu ngân sách địa phương đạt $1.327.081.003đ/4.555.000.000đ = 29%$ dự toán giao. Trong đó thu điều tiết ngân sách địa phương đạt $53.762.116đ/188.000.000đ = 28,6%$ dự toán.

Một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như Thuế sử dụng đất PNN đạt 71%. Thu khác NS đạt 66% so với dự toán giao...

2. Chi ngân sách xã quý 4 năm 2023:

Tổng chi ngân sách đạt $3.282.164.661đ/4.555.000.000đ = 72%$ dự toán. Trong đó: Chi thường xuyên: $1.658.824.661đ/4.408.000.000đ = 37,6%$; chi đầu tư phát triển: $1.623.340.000đ$.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2023:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay



từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ các tháng tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quý 4 năm 2023 công tác tài chính - ngân sách của xã Tân Lợi gặp phải một số khó khăn như: nhu cầu chứng chực của nhân dân không nhiều dẫn đến phí, lệ phí thấp. Nguồn thu thuế GTGT và TNCN từ kinh doanh chủ yếu dựa vào các cơ sở sản xuất băm, bóc gỗ, tuy nhiên hiện nay hoạt động chế biến lâm sản, các xưởng bóc gỗ gặp khó khăn trong nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

Trong quý 4 năm 2023, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, trong quý 4 năm 2023 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN



Phạm Thị Trang Nhung

CHỦ TỊCH UBND



Lê Ngọc Dũng